TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00593

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Bảo quản chế biến súc sản (203304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08112286	BÙI THỊ THÙY	TRANG	DH08TY		[signature]	8		8	8	8	0
20	10112204	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	DH10TY		[signature]	10		8,44	8,6	8	6
21	10112211	TRẦN QUỐC	TRÍ	DH10TY		[signature]	2		7,11	6,6	6	6
22	09112197	CAO TRỌNG	TUẤN	DH09TY		[signature]	2		6,67	6,2	6	2
23	08112319	TRẦN ANH	TUẤN	DH08TY		[signature]	10		7,56	7,8	7	8
24	10112223	NGUYỄN HUYỀN	TÙNG	DH10TY		[signature]	10		5,78	6,2	6	2
25	08161246	LÊ ANH	TƯỜNG	DH08TA		[signature]	0		5,11	4,6	4	6
26	10112231	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	DH10TY		[signature]	4		5,56	5,4	5	4
27	09112211	NGUYỄN VĂN	VĨ	DH09TY		[signature]	8		6,89	7	7	0
28	09112208	NGUYỄN ĐÌNH	VIỆT	DH09TY		[signature]	8		9,11	9	9	0
29	09112209	TRẦN THỊ BÉ	VIỆT	DH09TY		[signature]	8		8,44	8,4	8	4
~~30~~	~~07111141~~	~~LÊ VĂN~~	~~VINH~~	~~DH08CN~~							V	0
31	11112251	NÔNG THỊ	VINH	DH11TY		[signature]	10		8	8,2	8	2

Số bài: 30 ; Số tờ: TN

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2: Lê Văn Lĩnh; Phan Thịnh Chí Phát

Duyệt của Trưởng Bộ môn (***Quản lý môn học***): Lê Thanh Hiền

Cán bộ chấm thi 1&2: Lê Thanh Hiền

Ngày 24 tháng 7 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00593

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

0 1 -08- 2013

Môn Học : Bảo quản chế biến súc sản (203304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/06/13 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08112220	HỒ NHƯ	PHƯỢNG	DH08TY			10		6	6,4	6	4
2	09112125	NGUYỄN ĐÌNH VINH	QUANG	DH09TY			4		7,6	7,2	7	2
3	10112150	NGUYỄN THANH	SANG	DH10TY			8		7,78	7,8	7	8
4	09112132	NGUYỄN AN	SIN	DH09TY			10		6,44	6,8	6	8
5	10112154	NGUYỄN CÔNG	TÀI	DH10TY			8		6,22	6,4	6	4
6	10112158	PHAN NGÔ MINH	TÂN	DH10TY			10		4,44	5	5	0
7	10112159	TRẦN NGỌC	TÂN	DH10TY			10		6,44	6,8	6	8
8	08111038	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	DH08CN			2		3,78	3,6	3	6
9	09112149	ĐÀM ĐÌNH	THÀNH	DH09TY			8		7,11	7,2	7	2
10	10112169	PHẠM NGỌC XUÂN	THẢO	DH10TY			10		6	6,4	6	4
11	11161055	PHẠM THỊ THU	THẢO	DH11TA			8		6,44	6,6	6	6
12	10161115	HÀ HUY	THÂN	DH10TA			6		4,89	5	5	0
13	10112173	LÊ THỊ	THÊM	DH10TY			8		8,44	8,4	8	4
14	10112174	HÀ TRƯƠNG DIỄM	THI	DH10TY			10		6,89	7,2	7	2
15	10112178	ĐỖ HỮU HƯƠNG	THỊNH	DH10TY			0		4,67	4,2	4	2
16	08112263	VŨ THỊ KHÁNH	THU	DH08TY			8		5,78	6	6	0
17	08112271	THÁI LÊ ANH	THƯ	DH08TY			0		5,33	4,8	4	8
18	10112202	TRẦN ĐỨC	TOÀN	DH10TY			0		4,67	4,2	4	2

Số bài: 30 ; Số tờ: TN

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 7 năm 2013